

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: AAA./BC-ABIC-ĐT/TV

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: *Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp*

Năm báo cáo: **2022**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên tiếng việt: Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
- Tên giao dịch: Bảo hiểm Agribank
- Tên viết tắt: ABIC
- Giấy chứng nhận kinh doanh số: Giấy phép điều chỉnh gần nhất số: 38GP/GPĐC8/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 30/12/2022.
- Vốn điều lệ: 515.574.170.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 6 nhà 29T1, đường Hoàng Đạo Thúy - Cầu Giấy- Hà Nội
- Số điện thoại: 0246.2990.055
- Số Fax: 0246.2580.055
- Website: <https://abic.com.vn>
- Mã cổ phiếu: ABI

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC) được thành lập theo giấy phép số: 38GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/10/2006, Công ty chính thức khai trương hoạt động ngày 08/08/2007.

Kết thúc năm tài chính năm 2022 Công ty đạt doanh thu phí bảo hiểm gốc 2.118,2 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 276,5 tỷ đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh Bảo hiểm phi nhân thọ; Đầu tư tài chính và ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.
- Địa bàn kinh doanh: Công ty được phép hoạt động trong và ngoài nước theo quy định pháp luật.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

ABIC tổ chức quản trị kinh doanh theo mô hình của Công ty cổ phần, cơ cấu tổ chức và mạng lưới kinh doanh của Công ty như sau:

3.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị của Công ty gồm 4 thành viên (danh sách các thành viên HĐQT tại mục **V. Quản trị Công ty**).

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên (danh sách Ban kiểm soát tại mục **V. Quản trị Công ty**).

Ban Tổng Giám đốc: Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Danh sách Ban Tổng giám đốc tại điểm **2. Mục II**.

Các Phòng Ban Công ty:

- Ban Kiểm tra kiểm soát nội bộ;
- Ban Quản lý rủi ro;
- Phòng BH Tài sản kỹ thuật;
- Phòng BH Hàng hải;
- Phòng BH Phi Hàng hải;
- Phòng Tái bảo hiểm;
- Phòng Quản lý đại lý và PTHT;
- Phòng Giám định bồi thường;
- Phòng Kế toán - Tài chính;
- Phòng Đầu tư vốn;
- Phòng Tổ chức hành chính;
- Phòng Thư ký Pháp chế;
- Phòng Công nghệ thông tin;
- Phòng Kinh doanh;
- Phòng Nghiên cứu Phát triển và Truyền thông.

3.2. Mạng lưới hoạt động của Công ty

3.2.1 Trụ sở chính ABIC

- Địa chỉ: Tầng 6 nhà 29T1, đường Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

- Điện thoại: 0246.2990.055 Fax: 0246.2580.055

3.2.2 Chi nhánh ABIC TP Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: 38 Phan Đăng Lưu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP HCM

- Điện thoại: 0283.8249.797 Fax: 0283.8249.855

3.2.3 Chi nhánh ABIC Hà Nội

- Địa chỉ: Tầng 3- 343 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội.

- Điện thoại: 0243.7622.555 Fax: 0243.7622.055

3.2.4 Chi nhánh ABIC Đà Nẵng

- Địa chỉ: Số 1 Tổng Phước Phổ, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

- Điện thoại: 0236.3699.222 Fax: 0236.3699.224

3.2.5 Chi nhánh ABIC Nghệ An

- Địa chỉ: Số 371A Nguyễn Văn Cừ, TP Vinh, Nghệ An

- Điện thoại: 0238.3833.366 Fax: 0238.3837.766

3.2.6 Chi nhánh ABIC Đắk Lắk

- Địa chỉ: Số 06 Trần Hữu Dực, Phường Tân Lợi, TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

- Điện thoại: 0262.3957.695 Fax: 0262.3926.567

3.2.7 Chi nhánh ABIC Hải Phòng

- Địa chỉ: T6 số 62-64 Tôn Đức Thắng, Lê Chân, Hải Phòng

- Điện thoại: 0255.3637.555 Fax: 0255.3719.555

3.2.8 Chi nhánh ABIC Khánh Hòa

- Địa chỉ: Số 45 Lam Sơn, Phường Phước Hòa, TP Nhà Trang, Khánh Hòa.

- Điện thoại: 0258.3510.066 Fax: 0258.3510.077

3.2.9 Chi nhánh ABIC Cần Thơ

- Địa chỉ: Số 481 đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ.

- Điện thoại: 0292.3782.266 Fax: 0292.3782.288

3.2.10 Chi nhánh ABIC Thanh Hóa

- Địa chỉ: Tầng 2 số 11 Phan Chu Chinh, Phường Điện Biên, TP Thanh Hóa, Thanh Hóa

- Điện thoại: 0237.3718.456 Fax: 0237.3717.718

3.2.11 Chi nhánh ABIC Phú Thọ

- Địa chỉ: Số 1674 đại lộ Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, TP Việt Trì, Phú Thọ

- Điện thoại: 0210.3818.528 Fax: 0210.3818.529

3.2.12 Chi nhánh ABIC Thăng Long

- Địa chỉ: Số 55 Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

- Điện thoại: 0243.2077.668 Fax: 0243.2021.668

3.2.13 Chi nhánh ABIC Sài Gòn

- Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Aloha, số 24 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 0283.5358.016 Fax: 0283.5358.015

3.2.14 Chi nhánh ABIC Sơn La

- Địa chỉ: Số 286E – đường Tô Hiệu, phường Chiềng Lê, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

- Điện thoại: 0986.364.411

4. Định hướng phát triển

4.1. Về phát triển sản phẩm dịch vụ:

- Về kênh phân phối bảo hiểm qua ngân hàng: ABIC đặt mục tiêu trở thành doanh nghiệp bảo hiểm có mô hình kênh phân phối bảo hiểm qua ngân hàng với vị thế hàng đầu trên thị trường bảo hiểm Việt Nam.

- Thông qua các biện pháp nghiệp vụ bảo hiểm, ABIC tích cực góp phần giảm thiểu rủi ro, tổn thất về vốn và tài sản của Agribank đặc biệt là khu vực nông nghiệp, nông thôn.

- Góp phần đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh, tăng nguồn thu nhập dịch vụ của hệ thống Agribank thông qua hoạt động Dịch vụ Đại lý Bảo hiểm.

- Hình thành kênh huy động vốn thường xuyên, có tính ổn định của Agribank thông qua nguồn phí bảo hiểm thu được từ ABIC.

- Về sản phẩm: Phát triển các sản phẩm bảo hiểm liên kết với các sản phẩm Ngân hàng để khai thác tối đa tiềm năng của Agribank; dành nguồn lực hợp lý phối hợp nhà Tái bảo hiểm quốc tế phát triển các sản phẩm bảo hiểm Nông nghiệp bảo vệ vốn tín dụng của Agribank phục vụ khu vực Nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

4.2. Về hiệu quả kinh doanh:

- Ngoài việc đáp ứng cơ bản các chỉ tiêu đo lường, đánh giá và xếp loại của Bộ Tài chính, ABIC xây dựng các chỉ tiêu đánh giá hoạt động theo nhóm nghiệp vụ đối với từng đơn vị làm cơ sở cho công tác quản trị và điều hành.

- Về doanh thu, ABIC phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân từ 10-15%/năm.

- Về lợi nhuận, phấn đấu tăng trưởng trung bình từ 3-10%/năm.

- Về cổ tức, đảm bảo tỷ lệ ngang bằng với mức chi trả của thị trường bảo hiểm (phần đầu tối thiểu 14%/1 cổ phần).

4.3. Về năng lực cạnh tranh: Duy trì trong nhóm 10 doanh nghiệp bảo hiểm kinh doanh có hiệu quả.

4.4. Về quản trị rủi ro: Đảm bảo các hoạt động được đánh giá, kiểm soát thường xuyên bằng quy trình, đủ cán bộ để kiểm tra; thực hiện kiểm soát từ xa; xây dựng hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ theo từng mảng nghiệp vụ; nâng cao tính tuân thủ nội bộ.

4.5. Quản trị điều hành:

- Ổn định về tổ chức, điều chỉnh lại mô hình tổ chức tại Trụ sở chính và Chi nhánh theo hướng ít gây xáo trộn; tách công tác khai thác khỏi bồi thường; tách công tác quản lý nghiệp vụ ra khỏi kinh doanh trực tiếp; đảm bảo minh bạch và kiểm soát được rủi ro; áp dụng được các quy trình chuẩn từ khai thác, bồi thường, tái bảo hiểm.

- Đảm bảo Trụ sở chính có khả năng giám sát hoạt động tốt đối với Chi nhánh; ban hành đầy đủ các cơ chế quy chế nội bộ, phân cấp phân quyền hợp lý phù hợp với năng lực điều hành của từng chi nhánh trên cơ sở đánh giá hàng năm.

- Thực hiện phân cấp phân quyền cho các đơn vị theo nhóm nghiệp vụ theo năng lực quản lý của từng Chi nhánh. Các tiêu chí đánh giá sẽ được xem xét lại khi kết thúc năm tài chính, làm cơ sở cho việc phân cấp và giao kế hoạch kinh doanh năm tiếp theo.

- Kiện toàn đủ nhân sự các cấp từ Ban điều hành đến các phòng, ban nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu phát triển.

4.6. Về thị trường khách hàng: ABIC trở thành doanh nghiệp đi đầu trong phát triển hoạt động kinh doanh vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Phấn đấu, duy trì thường xuyên từ 2 đến 3 triệu hộ nông dân được bảo hiểm gắn với hoạt động cấp tín dụng cho khu vực nông nghiệp, nông thôn của Agribank.

5. Các rủi ro

Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thủy, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Phần lớn các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Công ty đã thu xếp các hợp đồng

tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Công ty.

Công ty cũng áp dụng mức trách nhiệm tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ). Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Công ty được quyết định bởi Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám Đốc có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

Về rủi ro tài chính: Toàn bộ danh mục đầu tư tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định nên rủi ro thấp. Phần lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng VND đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	KH 2022	Thực hiện 2022	TL hoàn thành KH	Tăng trưởng	
						Giá trị	tỷ lệ
I/	Doanh thu bán hàng	2,084,696	2,249,000	2,259,283	100,5%	174,587	8.4%
1	Doanh thu phí BH gốc	1,957,310	2,114,000	2,118,235	100,2%	160,925	8.2%
2	Doanh thu nhận tái BH	2,501	10,000	9,021	100,0%	6,520	260.7%
3	Doanh thu đầu tư TC	124,884	125,000	132,027	105,6%	7,143	5.7%
II/	Lợi nhuận trước thuế	340,981	271,000	276,462	102,0%	-64,519	-18.9%
III/	Cổ tức	20%	20%	20%	100,0%		

Ghi chú: * chỉ tiêu DT nhận tái BH kế hoạch năm 2022: tối đa 10 tỷ đồng.

Năm 2022 lợi nhuận trước thuế giảm 18,9% so với năm 2021 là do chi phí bồi thường cho khách hàng tăng cao bởi các nguyên nhân bất khả kháng, biến động lớn về điều kiện vĩ mô từ tác động của dịch bệnh Covid-19 (năm 2022 chi phí bồi thường tăng 167 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021, tương đương tăng 31%).

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân của Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Tiến Hải	Tổng Giám đốc	0,16	Miễn nhiệm ngày 28/12/2022 (để bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT)
2	Đỗ Minh Hoàng	Q.Tổng Giám đốc	0,01	Bổ nhiệm ngày 28/12/2022
3	Nguyễn Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc	0,00	-
4	Quách Tá Khang	Phó Tổng Giám đốc	0,09	-
5	Mai Sinh	Phó Tổng Giám đốc	0,00	Miễn nhiệm nghỉ chế độ ngày 01/6/2022

Tóm tắt lý lịch ban điều hành:

2.1.1 Ông Nguyễn Tiến Hải - Tổng giám đốc (đến ngày 27/12/2022)

- Ngày tháng năm sinh: 12/08/1975
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật kinh tế và quản lý chuyên ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ C
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1997 đến 4/1998: Cán bộ Công ty phần mềm kế toán - Công ty Bảo Việt Bà Rịa - Vũng Tàu;
 - + Từ 5/1998 đến 9/1998: Cán bộ Phòng giám định - Công ty Bảo hiểm Nhà Rồng (Chi nhánh Hà Nội);
 - + Từ 10/1998 đến 12/2002: Cán bộ Phòng kế toán, Phòng Kinh doanh Công ty Bảo Minh Hà Nội;
 - + Từ 01/2003 đến 10/2006: Phụ trách phòng Kinh doanh Bảo hiểm PJICO;
 - + Từ 11/2006 đến 7/2007: Trưởng phòng Tài sản - Bảo Minh Thăng Long;
 - + Từ 25/7/2007 đến 23/9/2012: Trưởng Phòng Tài sản kỹ thuật ABIC;
 - + Từ 24/9/2012 đến 30/6/2014: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội thuộc ABIC;
 - + Từ 01/7/2014 đến 31/05/2019: Phó Tổng Giám đốc ABIC;
 - + Từ 01/06/2019 đến 27/12/2022: Tổng Giám đốc ABIC;
 - + Từ 28/12/2022 đến nay: Chủ tịch HĐQT ABIC

2.1.2 Ông Đỗ Minh Hoàng – Quyền Tổng giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 28/12/2022)

- Ngày tháng năm sinh: 01/08/1966
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng Bảo hiểm; Cử nhân Luật; Kiểm toán viên nhà nước, chứng chỉ đào tạo các nhà lãnh đạo DNBH,
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B.
- Chức vụ công tác hiện nay: Quyền Tổng Giám đốc ABIC.
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1990 đến 1994: TP Bảo hiểm Sóc Sơn - Bảo hiểm Hà Nội;
 - + Từ 1994 đến 1996: TP Bảo hiểm Hai Bà Trưng - Bảo Việt Hà Nội;
 - + Từ 1996 đến 1997: Phó phòng Bảo hiểm Phi Hàng Hải - Bảo Minh Hà Nội;
 - + Từ 1997 đến 1998: Trưởng đại diện Chi nhánh Bảo Minh Hải Dương;
 - + Từ 1998 đến 2000: Phó phòng Phi Hàng Hải - Bảo Minh Hà Nội;
 - + Từ 2000 đến 2004: Trưởng phòng khu vực 8 - Bảo Minh Hà Nội;
 - + Từ 2004 đến 2006: Kiểm toán viên Nhà nước - CQ kiểm toán Nhà nước;
 - + Từ 5/2006 đến 5/2007: Chuyên viên Ban trù bị thành lập ABIC;
 - + Từ 5/2007 đến 18/05/2010: Quyền Tổng Giám đốc ABIC;
 - + Từ 18/05/2010 đến 27/12/2022: Phó Tổng Giám đốc ABIC;
 - + Từ 28/12/2022 đến nay: Quyền Tổng Giám đốc ABIC.

2.1.3 Ông Nguyễn Hồng Thái – Phó Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 29/11/1980
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật kinh tế và quản lý chuyên ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; Trung cấp lý luận chính trị - hành chính.



- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc ABIC
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2002 đến 2004: Nhân viên nhân sự Công ty TNHH Bách Sơn Tùng;
 - + Từ 2005 đến 2007: Nhân viên xuất nhập khẩu Công ty Xuất nhập khẩu & Hợp tác đầu tư - Tổng công ty CN Mỏ Việt Bắc;
 - + Từ 16/6/2007 đến 07/3/2010: Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính ABIC;
 - + Từ 08/3/2010 30/6/2014: Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính ABIC;
 - + Từ 01/7/2014 đến 31/5/2021: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính ABIC;
 - + Từ 01/6/2021 đến nay: Phó Tổng Giám đốc ABIC.

2.1.4 Ông Quách Tá Khang - Phó Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 06/06/1964.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải sông, cao cấp lý luận chính trị.
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc ABIC
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1988 đến 12/1994: Cán bộ Phòng lao động tiền lương & Phòng kế toán tài vụ - Công ty xây dựng công trình đường thủy 2;
 - + Từ 01/1995 đến 12/1995: Cán bộ Phòng tài chính kế toán - Công ty vận tải xăng dầu đường thủy 1;
 - + Từ 12/1995 đến 3/2000: Trưởng phòng kế toán tổng hợp - Chi nhánh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex Hải Phòng;
 - + Từ 4/2000 đến 3/2004: Trưởng phòng tài chính kế toán - Chi nhánh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex TP.HCM;
 - + Từ 4/2004 đến 9/2005: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex Bình Dương;
 - + Từ 10/2005 đến 7/2008: Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex Bình Dương;
 - + Từ tháng 7/2008 đến 7/2011: Giám đốc Chi nhánh ABIC TP. HCM.
 - + Từ tháng 7/2011 đến 31/5/2022: Phó Tổng Giám đốc ABIC, kiêm Giám đốc Chi nhánh ABIC TP.HCM.
 - + Từ 01/6/2022 đến nay: Phó Tổng Giám đốc ABIC

2.1.5 Ông Mai Sinh - Phó Tổng giám đốc (đến ngày 31/5/2022)

- Ngày tháng năm sinh: 20/11/1961
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B.
- Quá trình công tác:
 - + Từ 9/1986 đến 11/1989: Cán bộ Công ty Bảo hiểm Hà Nội;
 - + Từ 12/1989 đến 7/1990: Phó phòng Bảo hiểm phương tiện - Bảo Việt Hà Nội;
 - + Từ 8/1990 đến 11/1994: Phó phòng phụ trách Phòng Bảo hiểm phi hàng hải - Bảo Việt Hà Nội;
 - + Từ 12/1994 đến 7/1995: Cán bộ Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương;
 - + Từ 8/1995 đến 2/1996: Phó Giám đốc phụ trách phòng Thông tin - Pháp lý và Quan hệ quốc tế - Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương;

- + Từ 3/1996 đến 7/1996: Cán bộ Công ty Bảo hiểm TP. Hồ Chí Minh - Bảo Minh Chi nhánh Hà Nội;
- + Từ 8/1996 đến 12/1997: Phó phòng Phi hàng hải phụ trách bộ phận đại lý - Cộng tác viên - Bảo Minh Hà Nội;
- + Từ 01/1997 đến 8/1998: Trưởng phòng Đại diện bảo hiểm Bảo Minh Nghệ An;
- + Từ 9/1998 đến 02/1999: Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Bảo Minh Nghệ An;
- + Từ 03/1999 đến 4/2000: Trưởng phòng nghiệp vụ Bảo Minh Hà Nội;
- + Từ 7/2001 đến 12/2004: Trưởng phòng Công nghệ và dịch vụ thông tin - Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- + Từ 1/2005 đến 4/2005: Trưởng phòng Thông tin tuyên truyền - Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- + Từ 4/2005 đến 7/2006: Trưởng văn phòng đại diện Bảo Minh tại Hà Nội;
- + Từ 8/2006 đến 6/2007: Chuyên viên Ban trù bị thành lập ABIC;
- + Từ 6/2007 đến 30/8/2012: Trưởng Phòng Quản lý Đại lý & PTHT ABIC;
- + Từ 1/9/2012 đến 31/5/2022: Phó Tổng Giám đốc ABIC;
- + Từ 01/6/2022: Nghỉ hưu theo chế độ.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2022

Ngày 28/12/2022 giao Ông Đỗ Minh Hoàng giữ chức danh Quyền Tổng Giám đốc Công ty.

Ngày 28/12/2022 miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Tiên Hải (để bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT).

Ngày 01/6/2022 miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với ông Mai Sinh (nghỉ chế độ hưu trí).

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động

- Nhân sự toàn Công ty tính đến 31/12/2022 là: 772 cán bộ nhân viên.

- Công ty thực hiện chi trả lương cho người lao động theo doanh thu phí bảo hiểm thực hiện và hiệu quả kinh doanh theo quy định nội bộ về Quỹ thu nhập trong toàn Công ty. Đây là chính sách nền tảng điều chỉnh về cơ chế phân phối tiền lương cho người lao động, gắn việc phân phối tiền lương với kết quả kinh doanh cuối cùng. Ngoài ra, các chế độ BHXH, BHYT, BHTN luôn được đảm bảo đầy đủ đối với người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn: (không có)

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: (Không có)

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.926.360	1.798.653
2	Doanh thu hoạt động tài chính	132.027	124.884
3	Thu nhập khác	367	672
4	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.323.418	1.113.972

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
5	Chi phí hoạt động tài chính	28	32
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	458.672	469.436
7	Chi phí khác	174	16
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	276.462	340.754
9	Chi phí thuế TNDN hiện hành	54.664	68.232
10	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	221.798	272.522

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2021
1.	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	5.29	6.41
	- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	94.71	93.59
2.	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	61.05	62.75
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	38.95	37.25
3.	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.55	1.49
	- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1.64	1.59
	- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.32	1.26
4.	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	6.44	8.65
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11.51	15.15
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	16.88	23.91

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần của Công ty: 51.557.417 CP mệnh giá 10.000 đồng, trong đó: Cổ phần phổ thông: 51.557.417 CP, cổ phần ưu đãi: (Không có), cổ phần hạn chế chuyển nhượng: (Không có).

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 50.399.217 CP, tổng số cổ phần chưa lưu hành (Cổ phiếu quỹ): 1.158.200 CP.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

5.2.1. Cổ đông lớn:

Tên cổ đông	CP sở hữu	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT VN	26.676.000	51,74	
Tổng công ty CP tái BH quốc gia	4.377.600	8,49	
AFC VF LIMITER	3.040.561	6,03	Nước ngoài

5.2.2 Cổ đông Vốn Nhà Nước

- Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam, địa chỉ số 2 Láng Hạ, Ba Đình- Hà Nội, sở hữu 26.676.000 CP chiếm tỷ lệ 51,74%.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2022 vốn điều lệ của Công ty tăng thêm 83.996.020.000 đồng do phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 tỷ lệ: 20%/1 cổ phần

Vốn điều lệ đến 31/12/2022: 515.574.170.000 đồng

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ năm 2022: (không phát sinh)

5.5. Các chứng khoán khác: (Không có)

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

✓ Năm 2022 trước những khó khăn thách thức chung của thị trường, ABIC đã nỗ lực hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, tiếp tục khẳng định vị thế trong Top đầu ngành bảo hiểm Phi nhân thọ kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo quyền lợi cho khách hàng và bảo vệ vốn vay của Agribank.

✓ Một số kết quả đạt được như sau:

- Doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 2.118,2 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch, tăng trưởng 8,2% so với 2021.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 276,5 triệu đồng, hoàn thành 102% kế hoạch.

- Các chỉ tiêu đo lường năng suất, chất lượng và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh như: tỷ lệ quỹ thu nhập, tỷ lệ tái tục hợp đồng bảo hiểm, tỷ lệ nợ phải thu phí bảo hiểm (đặc biệt không phát sinh mới nợ quá hạn không có khả năng thu hồi), tỷ lệ hồ sơ tồn... đều trong ngưỡng cho phép.

- Tiếp tục trong nhiều năm, ABIC đều được xếp nhóm 1A theo khung tiêu chuẩn tại TT 195 của Bộ Tài chính (nhóm có thứ hạng cao nhất trong ngành bảo hiểm).

- Được Bộ Tài chính tặng bằng khen “Đã có nhiều đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển của thị trường Bảo hiểm Việt Nam” nhân dịp kỷ niệm 15 năm thành lập.

- Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch Covid, hoạt động kinh doanh ổn định, thông suốt, nguồn nhân lực được đảm bảo.

- Hoạt động truyền thông đã xây dựng hình ảnh một Bảo hiểm Agribank “Trách nhiệm và Sẻ chia”, được các cơ quan quản lý nhà nước, hệ thống Agribank và cộng đồng ghi nhận, đánh giá tích cực.

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Đã mở thêm và đưa vào hoạt động Chi nhánh ABIC Sơn La; thành lập Phòng kinh doanh khu vực Lạng Sơn thuộc Chi nhánh ABIC Thăng Long; thành lập Phòng kinh doanh khu vực Lâm Đồng II thuộc Chi nhánh ABIC Đắk Lắk; thành lập Phòng kinh doanh Nam Nghệ An thuộc ABIC Nghệ An; thành lập Ban trụ bị thành lập Chi nhánh ABIC Nam Định và Chi nhánh ABIC Kiên Giang. Từng bước hoàn thiện mạng lưới, bộ máy quản lý toàn hệ thống, là tiền đề cho sự phát triển ngày càng lớn mạnh của ABIC, đáp ứng được nhu cầu phát triển, mở rộng mạng lưới và nâng cao chất lượng phục vụ sau bán hàng của Công ty.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin đã được Công ty từng bước phát triển đã nâng cao được hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp. Năm 2022 Công ty đã phát triển ứng dụng Bồi thường BATD trực tuyến, đang cùng đối tác hoàn thiện ứng dụng GĐBT xe online, ABIC và PVire đã tổ chức khai trương cổng giao dịch tái bảo hiểm điện tử.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

3.1. Mục tiêu định hướng kinh doanh năm 2023

- Doanh thu phí bảo hiểm: 2.097 tỷ đồng;
- Doanh thu đầu tư tài chính: 160 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế đạt: tỷ suất sinh lời (ROE) tối thiểu 15%/năm, lợi nhuận trước thuế phần đầu đạt 305 tỷ đồng;
- Cổ tức: 20%/1 cổ phần.

3.2. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục khai thác thị trường truyền thống, tập trung nguồn lực phát triển mô hình kênh phân phối Bancassurance, lấy khu vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân làm thị trường chủ đạo.

Mục tiêu chiến lược là đưa ABIC trở thành một doanh nghiệp bảo hiểm có uy tín về chất lượng và phong cách phục vụ khách hàng, chuyên nghiệp trong công tác giám định tổn thất, giải quyết khiếu nại, chi trả tiền bồi thường thuận lợi, minh bạch, nhanh chóng và chính xác. Đảm bảo quyền lợi và lợi ích của khách hàng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và an sinh xã hội.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với Công ty Cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt việc phân công công việc, phân cấp và ủy quyền đảm bảo điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, bao quát toàn bộ các Chi nhánh theo khu vực địa lý.

- Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo Công ty tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT Công ty, thường xuyên bám sát địa bàn, nắm bắt thực tiễn hoạt động kinh doanh để có quyết định điều chỉnh phù hợp.

Hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc đã đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ Công ty và theo đúng định hướng của HĐQT, thực hiện hoàn thành và vượt mức kế hoạch kinh doanh do HĐQT giao.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục kiên định mục tiêu phát triển dựa trên 3 trụ cột: mang lại giá trị ngày càng lớn hơn cho cổ đông; đảm bảo quyền lợi của CBNV và người lao động gắn với năng suất và hiệu quả; tuân thủ quy định pháp luật;

- Triển khai vững chắc, có hiệu quả các mục tiêu và nhiệm vụ chiến lược phát triển ABIC giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030 đã được ĐHCĐ quyết nghị;

- HĐQT trình ĐHCĐ thường niên năm 2023 các nội dung cần được thông qua và phê duyệt thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Chỉ đạo Tổng giám đốc xây dựng và triển khai thực hiện các mục tiêu của Đề án chiến lược trong kế hoạch kinh doanh năm 2023;

- Chủ động tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp để kịp thời thích ứng với Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, có hiệu lực kể từ 01/01/2023;

- Hoàn thiện Điều lệ Công ty để trình ĐHĐCĐ 2023 phê duyệt, tiếp tục rà soát, đẩy nhanh tiến độ chỉnh sửa, bổ sung các quy chế, quy trình nghiệp vụ đáp ứng hoạt động kinh doanh trong tình hình mới đồng thời đảm bảo an toàn và hiệu quả phù hợp với quy định của pháp luật;

- Tiếp tục phát triển bộ máy tổ chức và mạng lưới thông qua việc thành lập mới các chi nhánh/phòng kinh doanh khu vực tại những địa bàn đủ điều kiện;

- Nâng cao chất lượng nhân sự trong toàn Công ty cả về chất và lượng bắt đầu từ khâu tuyển dụng. Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh, chức vụ; Kiện toàn, bổ sung nhân sự ở các cấp quản lý;

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiếp tục xây dựng và phát triển các sản phẩm bảo hiểm bán lẻ qua kênh Bancassurance, trong đó hệ thống Agribank là trọng tâm và trung tâm; chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng cạnh tranh đối với các sản phẩm, dịch vụ ở những vùng trọng điểm;

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiếp tục mở rộng và phát triển kênh phân phối sản phẩm Bancassurance đến các tổ chức tín dụng, phi tín dụng có đặc điểm tương đồng (Ngân hàng chính sách xã hội; Quỹ tín dụng nhân dân...)

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiếp tục đẩy mạnh việc chuyển đổi số, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh, tiếp tục triển khai cấp giấy chứng nhận bảo hiểm chữ ký số, website bán bảo hiểm trực tuyến, phần mềm ứng dụng bồi thường xe cơ giới, phần mềm quản lý nhân sự, tiền lương, tài sản...góp phần nâng cao năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường;

- Hoàn thiện mô hình hệ thống quản trị rủi ro, kiểm toán và kiểm soát nội bộ theo quy định của pháp luật. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tuân thủ, kiểm toán và kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro đối với hoạt động kinh doanh, quản lý tài chính, chế độ thông tin báo cáo.

- Thực hiện vai trò giám sát và hỗ trợ các đơn vị trong hoạt động kinh doanh theo chức năng của HĐQT;

- HĐQT phối hợp và hỗ trợ để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an toàn hoạt động của Công ty theo Điều lệ hiện hành;

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của HĐQT theo Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT và tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân của thành viên HĐQT.

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu/không còn là Chủ tịch/thành viên HĐQT		Tỷ lệ CP (%)
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Phạm Đức Tuấn	Chủ tịch HĐQT	01/6/2020	09/12/2022	0,00

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu/không còn là Chủ tịch/thành viên HĐQT		Tỷ lệ CP (%)
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
2	Nguyễn Tiến Hải	Chủ tịch HĐQT	28/12/2022		0,16
3	Đỗ Minh Hoàng	Thành viên HĐQT	17/6/2022		0,01
4	Đặng Văn Liễu	Thành viên HĐQT		17/6/2022	0,00
5	Dương Văn Thành	Thành viên HĐQT		17/6/2022	0,00
6	Lê Hồng Quân	Thành viên HĐQT chuyên trách	12/10/2015		0,00
7	Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	17/6/2022		0,00

1.2. Các tiểu ban thuộc HĐQT:

- Ban kiểm tra kiểm soát nội bộ;
- Ban quản lý rủi ro.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

1.3.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Lý do không tham dự
1	Phạm Đức Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm	Miễn nhiệm ngày 09/12/2022	5/5	-
2	Nguyễn Tiến Hải	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/12/2022	10/10	-
3	Lê Hồng Quân	Thành viên chuyên trách	Tham gia từ ngày 12/10/2015	10/10	-
4	Dương Văn Thành	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17/6/2022	2/2	-
5	Đặng Văn Liễu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17/6/2022	2/2	-
6	Đỗ Minh Hoàng	Thành viên	Tham gia từ ngày 17/6/2022	8/8	-
7	Trần Anh Tuấn	Thành viên	Tham gia từ ngày 17/6/2022	8/8	-

1.3.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

ABIC thực hiện hoạt động giám sát của HĐQT với Tổng Giám đốc theo đúng các quy định của pháp luật, cụ thể như:

- a) HĐQT, Chủ tịch HĐQT thực hiện trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Hoạt động giám sát của HĐQT, Chủ tịch HĐQT đối với Tổng Giám đốc được thực hiện theo các cách thức khác nhau như:

- Thông qua trao đổi, thảo luận, chất vấn giữa HĐQT, Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc;

- Thông qua các báo cáo chi tiết đầy đủ, kịp thời của Tổng Giám đốc về tiến độ thực hiện, những khó khăn vướng mắc, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý;

- Thông qua Ban Kiểm tra, kiểm soát nội bộ; Ban Quản lý rủi ro trực thuộc HĐQT, phối hợp với Ban kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc;

- Các văn bản do Ban Tổng Giám đốc ban hành liên quan đến nhân sự, cơ chế kinh doanh, quản lý rủi ro hoạt động... đều được gửi đến các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty;

- Các thành viên HĐQT chủ động thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát trong phạm vi được phân công, thực hiện các hoạt động hỗ trợ các chi nhánh ABIC. Kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT được báo cáo tới HĐQT tại các kỳ họp.

b) Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2022 vào ngày 17/6/2022 và các phiên họp HĐQT định kỳ. Trong năm 2022, HĐQT đã họp 10 kỳ chính thức, 50 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, ban hành 66 Nghị quyết, 83 Quyết định của HĐQT/Chủ tịch HĐQT để thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo tổ chức bộ máy và các mặt hoạt động của Công ty.

c) Chỉ đạo ABIC thực hiện kế hoạch kinh doanh 6 tháng, 9 tháng đầu năm 2022.

d) Hàng tháng, các thành viên Ban Tổng Giám đốc trực tiếp báo cáo kết quả công việc với Chủ tịch HĐQT tại Hội nghị giao ban. Kết quả hoạt động của các Thành viên Ban Tổng Giám đốc được báo cáo tổng hợp đến HĐQT.

e) Các văn bản chỉ đạo, điều hành của Ban Tổng Giám đốc hàng tuần được tổng hợp, báo cáo Chủ tịch HĐQT.

f) Thực hiện các công tác khác theo thẩm quyền, chức năng nhiệm vụ theo pháp luật của HĐQT.

1.3.3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

(Công ty không có thành viên HĐQT độc lập)

1.3.4. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm.

(Không có)

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên trong đó có 1 Trưởng ban chuyên trách, 1 thành viên chuyên trách và 1 thành viên không chuyên trách.

2.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú		Tỷ lệ sở hữu CP (%)
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Trương Đình Cảnh	Trưởng ban	01/9/2016		0,005
2	Nguyễn Ngọc Kiên	Thành viên chuyên trách	01/6/2015		0,001
3	Dương Văn Thành	Thành viên	17/6/2022		0,000
4	Lưu Thị Việt Hoa	Thành viên	20/7/2016	17/6/2022	0,000

2.3. Hoạt động của Ban kiểm soát

Căn cứ theo luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp; Ban kiểm soát đã tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể như sau:

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức.
- Năm 2022 Ban kiểm soát đã tổ chức họp 4 lần cụ thể như sau:
 - ✓ Ngày 10/03/2022 Ban kiểm soát họp:
 - + Thông báo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp năm 2021.
 - + Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021.
 - + Phân công nhiệm vụ cho các thành viên kiểm tra, giám sát và chuẩn bị cho Báo cáo trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.
 - + Chuẩn bị chương trình kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát sau đại hội cổ đông thường niên 2022.
 - + Thảo luận và thông qua nội dung dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ABIC trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - + Các thành viên Ban kiểm soát báo cáo kết quả hoạt động của từng thành viên.
 - ✓ Ngày 16/03/2022 Ban kiểm soát họp:
 - + Thông qua kết quả đánh giá hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát.
 - + Thông qua dự thảo báo cáo của Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của công ty năm 2021; Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty năm 2021.
 - + Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2021.
 - + Thông qua dự thảo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021.

- + Lập báo cáo của Ban kiểm soát phục vụ công tác lập báo cáo thường niên 2022.
- + Thông qua nội dung tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán, tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính ABIC năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông.
- + Thông qua nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát ABIC, tờ trình Quy chế hoạt động Ban kiểm soát ABIC trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- + Triển khai chương trình kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát sau đại hội đồng cổ đông 2022.
- + Triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại một số đơn vị trực thuộc ABIC.
- + Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh lên Đại hội đồng cổ đông thường niên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- ✓ Ngày 17/06/2022 ban kiểm soát họp:
 - + Bầu trưởng Ban kiểm soát ABIC nhiệm kỳ IV 2022-2027
 - + Triển khai thực hiện và giám sát thực hiện Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 phê duyệt thông qua.
 - + Phân công nhiệm vụ cho các thành viên ban kiểm soát.
 - + Triển khai đề cương kiểm tra ABIC của cổ đông Agribank, Công văn số 1676/NHNo-ĐT ngày 07/03/2022; 4113/NHNo-ĐT ngày 18/05/2022 của Tổng giám đốc Agribank về việc thực hiện quyền của cổ đông và kiểm tra chuyên đề năm 2022.
 - + Triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát và thực hiện yêu cầu của cổ đông Agribank
- ✓ Ngày 14/12/2022 Ban kiểm soát họp:
 - + Đánh giá sơ bộ tình hình hoạt động kinh doanh công ty đến thời điểm 30/11/2022. Dự báo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2022.
 - + Đánh giá sơ bộ hoạt động kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát trong 11 tháng năm 2022.
 - + Triển khai công tác xây dựng kế hoạch hoạt động và công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2023.
 - + Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát trong việc giám sát công tác quyết toán tài chính năm 2022 và chuẩn bị cho việc lập báo cáo giám sát của Ban kiểm soát cho năm tài chính 2022, Báo cáo tại đại hội cổ đông năm 2023.
- Trong kỳ Ban kiểm soát đã:
 - + Tham gia các hội nghị giao ban, sơ kết, tổng kết và theo dõi các phong trào thi đua do công ty và các chi nhánh trực thuộc phát động.
 - + Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh lên Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
 - + Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2022.
 - + Tổ chức giám sát hoạt động của các chi nhánh trực thuộc và toàn công ty trong năm 2022.

VS

+ Tham gia các buổi giao ban của công ty để nắm bắt tình hình triển khai công tác kinh doanh của toàn công ty.

+ Phối hợp và kết hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Các ban, phòng nghiệp vụ Trụ sở chính và các chi nhánh trực thuộc trong quá trình kiểm tra giám sát để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị: Đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Số tháng	Tiền lương	Thù lao
I	Hội đồng Quản trị				
1	Phạm Đức Tuấn (từ 01/01-08/12/2022)	Chủ tịch HĐQT	12		157.818.182
2	Nguyễn Tiến Hải	Thành viên HĐQT kiêm TGD/ CT HĐQT từ 28/12/2022	12	900.909.091	
3	Lê Hồng Quân	TV chuyên trách	12	840.000.000	
4	Đỗ Minh Hoàng (từ 17/6-31/12/2022)	Thành viên HĐQT kiêm Q.TGD từ 28/12/2022	12	840.000.000	
5	Dương Văn Thành (từ 01/01-16/6/2022)	Thành viên	6		66.545.455
6	Đặng Văn Liễu (từ 01/01-16/6/2022)	Thành viên kiêm GD CN	5	301.500.000	
7	Trần Anh Tuấn (từ 17/6-31/12/2022)	Thành viên	7		77.454.545
II	Ban kiểm soát				
1	Trương Đình Cảnh	Trưởng ban	12	840.000.000	
2	Nguyễn Ngọc Kiên	Thành viên chuyên trách	12	672.000.000	
3	Lưu Thị Việt Hoa (từ 01/01-16/6/2022)	Thành viên	5		27.727.273
4	Dương Văn Thành (từ 17/6-31/12/2022)	Thành viên	7		32.272.727
III	Ban điều hành				
1	Mai Sinh (Từ 01/01 – 31/5/2022)	Phó TGD	12	350.000.000	
2	Quách Tá Khang (Từ 01/01 – 31/5/2022)	Phó TGD kiêm GD CN	5	388.924.382	
3	Quách Tá Khang (Từ 01/6-31/12/2022)	Phó TGD	7	490.000.000	
4	Nguyễn Hồng Thái	Phó TGD	12	840.000.000	
	Tổng cộng			6.463.333.473	361.818.182

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ công ty năm 2022

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đến 31/12/2021	Số cổ phiếu sở hữu đến 31/12/2022	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
1	Nguyễn Tiến Hải	TV HĐQT/Tổng Giám đốc	68,400	82,080	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
2	Vũ Thúy Hạnh	Vợ ông Nguyễn Tiến Hải	2,380	182,856	Mua, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
3	Trương Đình Cảnh	Trưởng Ban KS	2,166	2,599	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
4	Nguyễn Ngọc Kiên	TV Ban KS	570	684	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
5	Nguyễn Thị Ánh	Chị gái Ông Nguyễn Ngọc Kiên	6,840	8,208	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
6	Quách Tá Khang	Phó TGD	38,064	45,676	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
7	Đỗ Minh Hoàng	Phó TGD	5,700	6,840	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
8	Hà Thị Mai Lan	Vợ ông Đỗ Minh Hoàng	29,586	35,503	Bán, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
9	Nguyễn Hồng Thái	Phó TGD	57	68	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
10	Nguyễn Sinh Phương	TB KTKSNB	11	13	Bán, nhận cổ tức bằng cổ phiếu

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ (Không phát sinh)

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của kiểm toán độc lập, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

2.1. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.386.740.786.958	3.102.841.682.562
<i>110</i>	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>4</i>	<i>89.636.776.281</i>	<i>57.199.234.743</i>
111	1. Tiền		89.636.776.281	57.199.234.743
112	2. Các khoản tương đương tiền			
<i>120</i>	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>5</i>	<i>2.762.796.291.700</i>	<i>2.514.247.291.700</i>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.762.796.291.700	2.514.247.291.700
<i>130</i>	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>6</i>	<i>147.801.298.941</i>	<i>145.332.192.826</i>
131	1. Phải thu của khách hàng		85.478.904.156	91.437.799.337
<i>131.1</i>	<i>1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>		85.478.904.156	91.437.799.337
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.508.398.465	1.245.681.687
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		63.927.680.258	56.791.895.740
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.113.683.938)	(4.143.183.938)
<i>140</i>	<i>IV. Hàng tồn kho</i>		<i>1.785.163.801</i>	<i>3.464.795.860</i>
141	1. Hàng tồn kho		1.785.163.801	3.464.795.860
<i>150</i>	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		<i>234.116.189.278</i>	<i>222.090.156.711</i>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		234.116.189.278	222.090.156.711
<i>151.1</i>	<i>1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</i>	<i>7</i>	<i>229.376.050.933</i>	<i>214.532.027.983</i>
<i>151.2</i>	<i>1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác</i>		<i>4.740.138.345</i>	<i>7.558.128.728</i>
<i>190</i>	<i>VI. Tài sản tái bảo hiểm</i>	<i>16.2</i>	<i>150.605.066.957</i>	<i>160.508.010.722</i>
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		95.810.475.398	65.184.725.162
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		54.794.591.559	95.323.285.560
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		189.253.352.582	212.389.904.636
<i>210</i>	<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>		<i>10.215.342.460</i>	<i>7.726.416.513</i>
216	1. Phải thu dài hạn khác		10.215.342.460	7.726.416.513
<i>216.1</i>	<i>1.1. Ký quỹ bảo hiểm</i>	<i>8</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>6.000.000.000</i>
<i>216.2</i>	<i>1.2. Phải thu dài hạn khác</i>		<i>4.215.342.460</i>	<i>1.726.416.513</i>
<i>220</i>	<i>II. Tài sản cố định</i>		<i>130.645.943.988</i>	<i>139.534.040.321</i>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<i>9</i>	70.346.450.769	79.486.458.213
222	- Nguyên giá		152.147.450.699	150.311.562.749

223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(81.800.999.930)	(70.825.104.536)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	60.253.415.441	60.047.582.108
228	- Nguyên giá		65.859.778.877	65.634.778.877
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.606.363.436)	(5.587.196.769)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		33.000.058.302	52.500.058.302
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	33.000.058.302	52.500.058.302
260	IV. Tài sản dài hạn khác		15.392.007.832	12.629.389.500
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	15.392.007.832	12.629.389.500
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.575.994.139.540	3.315.231.587.198
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.183.383.033.094	2.080.353.667.677
310	I. Nợ ngắn hạn		2.183.383.033.094	2.080.353.667.677
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	159.417.838.825	140.418.001.423
311.1	1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		155.298.575.519	137.133.278.802
311.2	1.2. Phải trả khác cho người bán		4.119.263.306	3.284.722.621
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	20.816.143.225	2.551.180.935
314	3. Phải trả người lao động		57.187.747.996	79.000.602.700
318.1	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		23.336.696.592	27.851.330.828
318.2	5. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	14	32.108.977.346	15.511.378.172
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	15.487.714.003	15.743.065.465
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		78.821.373.711	88.370.536.322
329	8. Dự phòng nghiệp vụ	16.1	1.796.206.541.396	1.710.907.571.832
329.1	8.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.2.1	1.388.667.889.077	1.308.712.954.645
329.2	8.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.2.2	244.082.013.294	260.972.564.476
329.3	8.3. Dự phòng dao động lớn	16.3	160.584.557.319	141.222.052.711
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.392.611.106.446	1.234.877.919.521
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	1.392.611.106.446	1.234.877.919.521
411	1. Vốn cổ phần		515.574.170.000	431.578.150.000
411a	1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		515.574.170.000	431.578.150.000
412	1. Thặng dư vốn cổ phần		12.000.000.000	12.000.000.000

415	2. Cổ phiếu quỹ		(13.898.400.000)	(13.898.400.000)
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		418.433.188.964	336.733.188.964
419	4. Quỹ dự trữ bắt buộc		51.557.417.000	43.157.815.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		408.944.730.482	425.307.165.557
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.575.994.139.540	3.315.231.587.198

2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.926.360.020.098	1.798.652.767.423
12	2. Doanh thu hoạt động tài chính	132.027.280.499	124.883.963.987
13	3. Thu nhập khác	366.780.410	672.496.543
20	4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.323.417.675.188	1.113.972.129.941
22	5. Chi phí hoạt động tài chính	27.976.473	31.506.824
23	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	458.671.912.948	469.435.540.352
24	7. Chi phí khác	174.056.011	16.081.642
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	276.462.460.387	340.753.969.194
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	54.664.022.330	68.231.798.201
60	11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	221.798.438.057	272.522.170.993

2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		2.105.451.857.476	1.942.112.999.049
2	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.536.618.468.052)	(1.325.952.023.707)
3	3. Tiền chi trả cho người lao động		(236.429.345.785)	(237.356.962.837)
4	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(38.625.286.019)	(85.463.672.756)
5	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.450.817.594	15.516.458.389
6	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(157.896.800.621)	(171.863.897.816)
20	Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		141.332.774.593	136.992.900.322
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(3.574.844.781)	(17.158.957.024)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		83.636.363	200.454.545

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.141.049.000.000)	(995.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		912.000.000.000	756.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		123.644.975.363	133.395.236.393
30	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(108.895.233.055)	(123.063.266.086)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(15.208.880.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(15.208.880.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)		32.437.541.538	(1.279.245.764)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		57.199.234.743	58.478.480.507
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	4	89.636.776.281	57.199.234.743

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- Ủy ban chứng khoán NN (để b/c);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (để b/c);
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Trường Ban kiểm soát (để b/c);
- Các Phó TGĐ (để biết);
- Lưu TCHC, ĐTV.



Q. TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Minh Hoàng

